

Bản án số: 114/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2020
“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Bá Đức.

2. Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 339/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm: 1977, địa chỉ: Số 286, tổ NDTQ số 12, ấp TĐ, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Xuân B, sinh năm: 1974, địa chỉ: Ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Xuân B qua tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân, thành hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2015. Sau khi thành hôn, chị và anh B sinh sống tại ấp TĐ, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, chị và anh B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh B thường xuyên uống rượu bia dẫn đến việc anh chị thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn xảy ra, chị và anh B đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị ly thân từ tháng 11/2016 đến nay, trong thời gian ly thân thì mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn

với anh B.

Trong thời gian chung sống, chị và anh B không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn là anh Bùi Xuân B vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, anh B cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Lê Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn giữa chị với anh Bùi Xuân B có địa chỉ tại ấp PT, xã AD, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi Xuân B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị T và anh Bùi Xuân B theo quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Bùi Xuân B chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/7/2015 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh B được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị T cho rằng anh B thường xuyên uống rượu bia, giữa chị và anh B có sự khác biệt về quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T và anh B sống ly thân từ tháng 11/2016 đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, anh chị không thể đoàn tụ được. Quá trình Tòa án giải quyết, anh B không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về hôn nhân giữa anh với chị T và cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn đoàn tụ. Từ đó, cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh B đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung; anh B vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh B về việc yêu cầu chia tài sản chung, con chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải

chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Bùi Xuân B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung Chị Lê Thị T và anh Bùi Xuân B không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002967 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TT;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân